

**BÀI 1:** Doanh nghiệp sản xuất ABC hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTXX, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng 6 có tình hình như sau: (ĐVT: đồng)

**A. Số dư ngày 31/5 của tài khoản 152:** 24.910.000 theo sổ chi tiết gồm:

+ Vật liệu chính D	:	800 kg	×	24.250	=	19.400.000
+ Vật liệu phụ E	:	300 kg	×	9.700	=	2.910.000
+ Phụ tùng F	:	200 cái	×	13.000	=	2.600.000

**B. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 6:**

1. Nhận được hóa đơn GTGT về mua vật liệu theo giá mua chưa thuế, chưa thanh toán cho công ty K:

+ Vật liệu chính D	:	1.000 kg	×	23.800	=	23.800.000
+ Vật liệu phụ E	:	500 kg	×	8.400	=	4.200.000
+ Thuế GTGT 10%	:				=	2.800.000
+ Tổng giá thanh toán						30.800.000

+ Chi phí vận chuyển cho bằng tiền mặt là 660.000 trong đó thuế GTGT là 60.000 được phân bổ cho vật liệu chính D và vật liệu phụ E theo trọng lượng nhập kho.

2. Nhận được hóa đơn GTGT về mua phụ tùng F, thanh toán bằng TGNH cho công ty M:

+ Giá mua chưa thuế	:	500 cái	×	11.600	=	5.800.000
+ Thuế GTGT 5%	:				=	290.000
+ Tổng giá thanh toán	:				=	6.090.000

3. Nhập kho 400 kg vật liệu phụ E do thuê ngoài gia công, giá thực tế 8.725 đ/kg.

4. Nhận được hóa đơn GTGT về mua vật liệu D thanh toán bằng tiền mặt cho công ty P:

+ Giá mua chưa thuế	:	1.000 kg	×	23.600	=	23.600.000
+ Thuế GTGT 5%	:				=	1.180.000
+ Tổng giá thanh toán	:				=	24.780.000

5. Xuất kho 2.500 kg vật liệu chính D để trực tiếp sản xuất sản phẩm.

6. Xuất kho 900 kg vật liệu phụ E trong đó:

+ Sản xuất sản phẩm	:	600 kg
+ Quản lý phân xưởng	:	300 kg

7. Xuất kho 600 cái phụ tùng F trong đó:

+ Bộ phận bán hàng	:	400 cái
+ Bộ phận quản lý DN	:	200 cái

**C. Tài liệu bổ sung:** Vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ.

**Yêu cầu:**

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
2. Phản ánh vào TK 152 tổng hợp và các TK 152 chi tiết.

## **BÀI 2:**

Doanh nghiệp sản xuất Trung Nguyên hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng 6 có tình hình như sau: (ĐVT: đồng)

1. Mua công cụ, giá mua chưa thuế là 4.000.000, thuế GTGT 5%, trả bằng tiền mặt. Đã nhập kho đủ.
2. Mua công cụ với giá mua chưa thuế là 200.000, thuế GTGT 20.000, chưa thanh toán tiền cho người bán, CCDC không nhập kho mà đưa thẳng xuống sử dụng ở phân xưởng sản xuất.
3. Mua công cụ với giá mua chưa thuế là 3.000.000, thuế GTGT 300.000, trả bằng tiền mặt. CCDC được đưa thẳng vào sử dụng ở bộ phận quản lý DN. Kế toán phân bổ trong 6 tháng kể từ tháng này.
4. Nhập công cụ do thuê ngoài giá công giá thực tế là 4.000.000.
5. Xuất công cụ loại phân bổ 1 lần, giá thực tế là 600.000, dùng cho bộ phận bán hàng.
6. Xuất công cụ loại phân bổ 2 lần, giá thực tế là 4.000.000, dùng cho quản lý doanh nghiệp.
7. Phân xưởng sản xuất báo hỏng công cụ loại phân bổ 2 lần, giá thực tế của CCDC này là 3.000.000, phế liệu thu hồi có giá trị ước tính là 200.000.
8. Văn phòng báo hỏng công cụ loại phân bổ nhiều lần, biết giá thực tế của CCDC là 6.000.000, thời gian phân bổ là 10 tháng, đã phân bổ được 8 tháng, phế liệu thu hồi có giá trị ước tính là 200.000.
9. Doanh nghiệp quyết định chuyển một TSCĐ hữu hình đang sử dụng ở bộ phận bán hàng không đủ tiêu chuẩn thành CCDC. Tài sản này tiếp tục được sử dụng ở bộ phận bán hàng. Cho biết TSCĐ trên có nguyên giá là 8.000.000, đã khấu hao lũy kế là 3.000.000.
10. Giá sử cuối tháng kiểm kê kho công cụ xác định:
  - + Giá trị công cụ thiếu là 2.000.000, chờ xử lý.
  - + Giá trị công cụ thừa là 1.000.000, chờ xử lý.

Quyết định xử lý:

- + Công cụ thiếu: Bắt thủ kho bồi thường bằng cách trừ dần vào lương trong 4 tháng.
- + Công cụ thừa: Ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Yêu cầu:** Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

### **BÀI 3:**

Tại doanh nghiệp sản xuất Trương Phong trong tháng 4/200X có tình hình sau:

#### **A. Số dư đầu tháng 4/200X của một số tài khoản:** (ĐVT: đồng)

- Tài khoản 334: 20.000.000.

- Tài khoản 338: 6.500.000 theo sổ chi tiết gồm:

TK 3382: 400.000, TK 3383: 4.800.000, TK 3384: 900.000, TK 3389: 400.000.

#### **B. Trong tháng 4/200X có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:**

1. Ngày 4/4: Chi tiền mặt trả lương kỳ II tháng 3/200X cho CNV: 20.000.000.

2. Ngày 6/4: Chuyển tiền tạm nộp BHXH: 5.000.000 ; mua BHYT cho công nhân viên 1.200.000 và nộp KPCĐ quý I/200X cho cơ quan KPCĐ là 1.600.000 (NHg đã báo Nợ).

3. Ngày 15/4: Tạm ứng lương kỳ I tháng 4/200X cho CNV: 60.000.000.

4. Cuối tháng phòng kế toán tổng hợp các bảng thanh toán lương gồm:

Đối tượng sử dụng	Lương hợp đồng	Lương phụ
1. Phân xưởng sản xuất chính		
+ CNSX sản phẩm	100.000.000	2.000.000
+ TL nghỉ phép của CNSX		4.000.000
+ Nhân viên quản lý phân xưởng	40.000.000	1.000.000
2. Bộ phận tiêu thụ sản phẩm	24.000.000	1.000.000
3. Bộ phận quản lý doanh nghiệp	36.000.000	3.000.000
Cộng	200.000.000	11.000.000

5. Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định, phần tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

6. Căn cứ bảng thanh toán lương, phản ánh các khoản khấu trừ lương gồm:

- Khấu trừ BHXH, BHYT, BHTN.
- Khấu trừ tạm ứng: 800.000.
- Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân: 1.200.000.
- Khấu trừ tiền bồi thường làm hỏng tài sản: 1.400.000.

7. Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất chính tại phân xưởng sản xuất chính theo tỷ lệ 2% trên TL chính của công nhân sản xuất.

#### **Yêu cầu:**

1. Lập bảng phân bổ tiền lương và khoản trích theo lương tháng 4/200X.

2. Định khoản và phản ánh vào tài khoản kế toán tổng hợp.

**BÀI 4:** Tài liệu kế toán tháng 3 năm N của Công ty HM như sau: (ĐVT: 1.000đ)

1. Biên bản giao nhận TSCĐ số 10 ngày 8/3. Bộ phận XDCC bàn giao một nhà xưởng cho PXSX, giá được duyệt của công trình là 12.000.000, xây dựng bằng nguồn vốn khấu hao cơ bản (bộ phận XDCC không có hệ thống sổ sách kế toán riêng), thời gian sử dụng hữu ích của TS là 10 năm.

2. Biên bản giao nhận TSCĐ số 11 ngày 12/3 bàn giao một số máy móc thiết bị chuyên dùng cho phân xưởng sản xuất chính số 2. Kèm theo các chứng từ tài liệu kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT số 45 ngày 10/3 của công ty H:

+ Giá mua chưa có thuế GTGT	:	700.000
+ Thuế GTGT (10%)	:	70.000
+ Tổng giá thanh toán	:	770.000

- Hóa đơn GTGT số 105 ngày 10/3 của công ty vận tải T về việc vận chuyển máy móc thiết bị:

+ Giá chưa có thuế GTGT	:	4.000
+ Thuế GTGT (10%)	:	400
+ Tổng giá thanh toán	:	4.400

- Phiếu chi tiền mặt số 25 ngày 11/3, chi tiền vận chuyển cho công ty vận tải T số tiền 4.400.

- Đơn xin vay số 20 ngày 12/3 (kèm theo khế ước vay tiền số 30 ngày 12/3), vay dài hạn ngân hàng để thanh toán cho công ty H số tiền 770.000.

- Tài sản dự kiến sử dụng trong 10 năm.

3. Biên bản bàn giao TSCĐ số 12 ngày 17/3. Bàn giao một thiết bị động lực cho phân xưởng sản xuất, kèm theo các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn số 120 ngày 15/3 (kèm theo hợp đồng), nhập khẩu thiết bị của công ty ESC (Mỹ):

+ Giá mua (CIF)	:	70.000 USD
+ Thuế nhập khẩu	:	10%

Chưa thanh toán tiền, tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, do ngân hàng Việt Nam công bố là 20,8/USD.

- Hóa đơn GTGT số 47 ngày 16/3, thuê công ty vận tải T, vận chuyển thiết bị trên về doanh nghiệp:

+ Cước phí vận chuyển chưa có thuế GTGT	:	14.000
+ Thuế GTGT	:	1.400
+ Tổng số tiền thanh toán	:	15.400

Công ty đã trả bằng tiền gửi ngân hàng (Giấy báo Nợ số 15 ngày 16/3).

- Hóa đơn GTGT số 48 ngày 17/3, thuê công ty lắp máy Z lắp đặt, chạy thử thiết bị trên:

+ Giá lắp đặt thiết bị chưa có thuế GTGT	:	28.000
+ Thuế GTGT	:	2.800
+ Tổng giá thanh toán	:	30.800

Công ty đã trả bằng tiền mặt (Phiếu chi số 50 ngày 17/3 số tiền 30.800).

- Thiết bị động lực trên được đầu tư bằng Quỹ đầu tư phát triển, thời gian sử dụng 10 năm.

4. Biên bản giao nhận TSCĐ số 13 ngày 20/3, bàn giao một thiết bị đo lường dùng cho bộ phận quản lý, do cấp trên điều chuyển, nguyên giá 960.000, đã khấu hao 240.000, thời gian sử dụng 8 năm.

5. Theo quyết định số 36 ngày 16/3 của giám đốc, chuyển một bất động sản đầu tư thành tài sản chủ sở hữu, nguyên giá 120.000, đã khấu hao 20.000 ; tài sản này có thời gian sử dụng 8 năm.

6. Mua 1 thiết bị sản xuất, dùng cho hoạt động liên doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh đặt ở phân xưởng (HĐ GTGT số 195 ngày 20/3, giá chưa có thuế là 500.000, thuế GTGT 5%).

7. Biên bản giao nhận TSCĐ số 110 ngày 10/3. Công ty nhượng bán một thiết bị sản xuất ở phân xưởng sản xuất cho công ty X:

- Nguyên giá 2.400.000, đã khấu hao 1.200.000, kèm theo các chứng từ:

- Hóa đơn GTGT số 152 ngày 10/3:

+ Giá bán chưa có thuế GTGT	:	1.300.000
+ Thuế GTGT phải nộp	:	130.000
+ Tổng giá thanh toán	:	1.430.000

- Giấy báo Có của ngân hàng số 135 ngày 10/3, công ty X đã thanh toán toàn bộ tiền mua thiết bị.

- Phiếu chi tiền mặt số 76 ngày 8/3 chi tiền mặt tân trang trước khi bán thiết bị là 20.000.

- Thiết bị này có thời gian sử dụng là 10 năm.

8. Biên bản thanh lý TSCĐ số 25 ngày 18/3, thanh lý thiết bị sản xuất, thời gian sử dụng 10 năm.

- Nguyên giá 560.000, đã khấu hao 520.000, kèm theo các chứng từ:

+ Phiếu thu số 420 ngày 18/3, thu tiền mặt bán phế liệu 60.000.

+ Phiếu chi số 220 ngày 18/3, chi tiền đăng quảng cáo thanh lý 12.000.

9. Biên bản bàn giao số 30 ngày 19/3, góp 1 thiết bị sản xuất đang dùng ở phân xưởng vào công ty liên kết. Nguyên giá của tài sản 480.000, đã khấu hao 180.000, tài sản được hội đồng giao nhận đánh giá là 320.000. Thời gian sử dụng 10 năm.

**Yêu cầu:** Tính toán và lập định khoản các nghiệp vụ kinh tế tháng 3/N.

Biết rằng công ty Hoàng Mai nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, các TSCĐ tăng giá sử giá trị thanh lý dự tính khi thanh lý bằng 0.

**BÀI 5:** Công ty XYZ sản xuất 2 loại sản phẩm A và B, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế GTGT của các loại hàng hóa, dịch vụ mua – bán giá định đều là 10%. Trong tháng 12/N có tình hình như sau: (ĐVT: đồng)

▪ **Số dư ngày 1/12 của một số TK:**

- TK 154: 83.920.000. Chi tiết SP-A: 83.920.000, SP-B: 0.

▪ **Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 được tổng hợp như sau:**

1. Trích bảng phân bổ vật liệu:

a. Xuất kho 6.144 kg vật liệu chính để sản xuất 1.600 SP-A và 800 SP-B.

- Đơn giá bình quân của VLC xuất kho: 60.000/kg.
- Định mức hao phí VLC: SP-A: 3 kg/SP, SP-B: 2 kg/SP. VLC phân bổ theo định mức chi phí vật liệu.

b. Vật liệu phụ:

- Tổng số lượng xuất kho: 480 kg.
- Đơn giá bình quân VLP xuất kho: 30.000/kg.
- Vật liệu phụ phân bổ cho SP-A và SP-B tỷ lệ với số lượng sản phẩm sản xuất.

c. Xuất kho nhiên liệu dùng để chạy máy móc thiết bị 15.600.000, trong đó dùng cho các bộ phận:

- Phân xưởng sản xuất: 10.000.000.
- Bộ phận bán hàng: 3.000.000.
- Bộ phận quản lý doanh nghiệp: 2.600.000.

2. Trích bảng phân bổ tiền lương:

- Tiền lương của phân xưởng sản xuất 259.500.000, trong đó: CNSX SP-A: 139.500.000, CNSX SP-B: 120.000.000.
- Tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng: 20.000.000.
- Tiền lương bộ phận bán hàng: 15.000.000.
- Tiền lương bộ phận quản lý doanh nghiệp: 50.000.000.
- Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo chế độ hiện hành.

3. Trích bảng tính khấu hao TSCĐ:

- Khấu hao TSCĐ sử dụng ở phân xưởng sản xuất: 27.900.000.
- Khấu hao TSCĐ sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp: 15.000.000.

4. Nhận hóa đơn tiền điện của Sở điện lực, tổng giá thanh toán gồm có thuế GTGT là 44.000.000, phân bổ cho các bộ phận:

- Phân xưởng sản xuất: 26.400.000.
- Bộ phận bán hàng: 2.200.000.
- Bộ phận quản lý doanh nghiệp: 15.400.000.

5. Giá trị phế liệu thu hồi do sử dụng VLC thu được trong quá trình sản xuất SP-B là 1.500.000.

6. Trong tháng sản xuất được 1.600 SP-A và 800 SP-B. Toàn bộ số SP đều đủ tiêu chuẩn và được nhập kho thành phẩm.

**Yêu cầu:**

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2. Thực hiện các nghiệp vụ kết chuyển chi phí sản xuất và nhập kho sản phẩm A, sản phẩm B.

3. Phản ánh quá trình tập hợp, kết chuyển chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành nhập kho lên sơ đồ chữ T.

**Tài liệu bổ sung:**

- SPDD cuối kỳ kiểm kê: SP-A: 250, SP-B: 0.
- SPDD đánh giá theo chi phí NVL trực tiếp.
- Chi phí sản xuất chung phân bổ cho SP-A và SP-B theo tỷ lệ tiền lương chính của CNSX.

## BÀI 6:

Tại doanh nghiệp sản xuất Trương Đình hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng 6/200X có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

1. Phân xưởng sản xuất hoàn thành nhập kho 8.000 SP-A (giá thành đơn vị 30.000/SP) và 5.000 SP-B (giá thành đơn vị 15.000/SP).
2. Xuất bán cho công ty K 2.000 SP-A, thu bằng tiền gửi ngân hàng, giá bán chưa có thuế GTGT là 40.000/SP, thuế GTGT 10%. Sau đó công ty K đã trả lại 400 sản phẩm kém phẩm chất. Doanh nghiệp đã nhập kho số sản phẩm trên và chi tiền mặt thanh toán cho công ty K.
3. Xuất 3.000 SP-B bán cho công ty M, chưa thu tiền, giá bán chưa thuế GTGT là 30.000/SP, thuế GTGT 10%. Sau đó công ty M báo có 300 SP-B sai quy cách, doanh nghiệp đã giảm giá 20% trên giá bán chưa thuế của số sản phẩm sai quy cách và cho trừ vào số nợ của công ty M. Doanh nghiệp đã nhận được Giấy báo Có của ngân hàng về số tiền của công ty M thanh toán.
4. Nhượng bán một TSCĐ hữu hình có nguyên giá là 60.000.000, đã hao mòn 50% với giá bán chưa thuế là 40.000.000, thuế GTGT 4.000.000, thu bằng tiền mặt.
5. Xuất 2.000 SP-A gửi cho đại lý Q, đơn giá bán lẻ quy định 100.000/SP. Hoa hồng cho đại lý là 5% trên giá bán chưa thuế.
6. Đại lý Q đã bán hết SP-A mà doanh nghiệp gửi và đã nộp tiền mặt cho doanh nghiệp sau khi trừ hoa hồng được hưởng (chi phí hoa hồng này chưa bao gồm trong bảng tổng hợp chi phí).
7. Xuất kho 1.000 SP-B trao đổi với công ty T để lấy 400 kg vật liệu theo giá trị hợp đồng là 33.000.000 (trong đó giá bán chưa có thuế 30.000.000, thuế GTGT 3.000.000). Công ty T đã giao đủ vật liệu.
8. Thu lãi liên doanh và lãi chứng khoán bằng tiền gửi ngân hàng là 10.000.000.
9. Chi phí lãi vay ngân hàng chi bằng tiền mặt là 4.000.000.
10. Tổng hợp chi phí:

Yếu tố chi phí	Bộ phận bán hàng	Bộ phận QLDN
1. Tiền lương	7.000.000	15.000.000
2. Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Theo tỷ lệ hiện hành	Theo tỷ lệ hiện hành
3. Vật liệu phụ	670.000	650.000
4. Công cụ loại phân bổ 1 lần	500.000	900.000
5. Khấu hao TSCĐ	2.300.000	3.500.000
6. Chi phí điện, nước, điện thoại	3.400.000	4.100.000
7. Tiền mặt	1.800.000	10.000.000
8. Tiền gửi ngân hàng	9.200.000	17.600.000

11. Thực hiện nghiệp vụ khấu trừ thuế GTGT lúc cuối kỳ.
12. Thực hiện nghiệp vụ kết chuyển doanh thu và chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

**Tài liệu bổ sung:** Thành phẩm xuất kho theo giá thành sản xuất.

### **Yêu cầu:**

1. Tính toán – Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
2. Phản ánh vào tài khoản tổng hợp (154, 155, 157, 511, 531, 532, 635, 641, 642, 711, 811, 911, 421).

**BÀI 7:** Công ty thương mại Bình Minh kinh doanh hàng hóa M, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTXX, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT các loại hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra giả định đều là 10%. Thuế suất thuế TNDN là 25%. Kỳ kế toán là tháng. Trong tháng 9/200N có tình hình như sau: (ĐVT: 1.000đ)

1. Ngày 4, xuất bán 100 đơn vị hàng hóa M (sau đây gọi là sản phẩm M) cho công ty K theo phiếu xuất kho số 011/PXK, đơn giá bán chưa có thuế GTGT là 6.500/SP, đã nhận được Giấy báo Có của ngân hàng. Công ty Bình Minh cho công ty K hưởng chiết khấu thanh toán 2% và đã xuất quỹ tiền mặt để chi trả.
2. Ngày 7, mua 210 SP-M, giá mua chưa có thuế GTGT là 4.800/SP, chưa thanh toán cho người bán. Hàng về nhập kho phát hiện thiếu 10 SP do người bán giao thiếu. Số còn lại đã nhập kho theo phiếu nhập số 122/PNK.
3. Ngày 12, xuất bán trả góp 100 SP-M theo phiếu xuất số 012/PXK, đơn giá bán trả góp đã có thuế GTGT là 7.500/SP, giá bán trả ngay chưa có thuế GTGT là 6.400/SP. Phương thức thanh toán: thu ngay bằng tiền mặt 30%, số còn lại cho người mua trả góp trong 12 tháng.
4. Ngày 14, đưa một TSCĐ có nguyên giá 400.000 đã hao mòn 150.000 đi góp vốn liên doanh dài hạn. Các bên tham gia liên doanh đánh giá giá trị của TSCĐ là 230.000.
5. Ngày 16, mua và nhập kho 250 SP-M theo phiếu nhập kho số 123/PNK, giá mua chưa có thuế GTGT là 4.900/SP, chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển thanh toán bằng tạm ứng theo giá thanh toán 6.600.
6. Ngày 18, thanh toán toàn bộ số tiền mua hàng ngày 16 cho người bán bằng chuyển khoản (NHg đã báo Nợ).
7. Ngày 21, mua và nhập kho 500 SP-M theo phiếu nhập kho số 124/PNK, giá mua chưa có thuế GTGT là 5.000/SP, chưa thanh toán cho người bán. Công ty được người bán cho hưởng chiết khấu thương mại 2% và được trừ vào khoản phải trả. Chi phí vận chuyển số hàng hóa này chi bằng tiền tạm ứng theo giá thanh toán là 11.000.
8. Ngày 23, xuất khẩu trực tiếp 800 SP-M theo phiếu xuất kho số 013/PXK với tổng giá trị trên hóa đơn xuất khẩu là 320.000 USD/FOB.HCMC. Thuế suất thuế xuất khẩu 5%. Tỷ giá thực tế 21/USD, người nhập khẩu thông báo đã nhận đủ hàng và chấp nhận thanh toán.
9. Ngày 29, nhận được Giấy báo Có của ngân hàng về việc đơn vị nhập khẩu thanh toán cho công ty toàn bộ số tiền của lô hàng xuất khẩu ngày 23, tỷ giá thực tế là 21,2/USD.
10. Ngày 31, thực hiện nghiệp vụ khấu trừ thuế GTGT.

**Yêu cầu:** Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Xác định kết quả kinh doanh sau thuế và lập báo cáo kết quả kinh doanh tháng 9/200N của công ty thương mại Bình Minh.

**Tài liệu bổ sung:**

1. Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa tiêu thụ tỷ lệ theo số lượng.
2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tập hợp trong tháng lần lượt là 300.000 và 530.000, được kết chuyển hết cho hàng hóa tiêu thụ trong kỳ.
3. Công ty tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ.
4. Số dư đầu tháng 9/200N của TK 156: 997.000 theo sổ chi tiết gồm:
  - TK 1561: 990.000 (số lượng: 200 đơn vị hàng hóa).
  - TK 1562: 7.000.